

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ~~22~~200/2014/QĐ-UBND

Quảng Ninh, ngày 03 tháng 10 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung tại quy định về chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài của tỉnh Quảng Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 2239/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 1275-QĐ/TU ngày 20/11/2013 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về quy chế quản lý tổ chức và cán bộ;

Căn cứ Quyết định số 858/2014/QĐ-UBND ngày 06/5/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh về việc ban hành quy chế phân cấp quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, cán bộ, công chức, viên chức cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp và cán bộ quản lý doanh nghiệp có vốn nhà nước thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết 62/2012/NQ-HĐND ngày 11/7/2012 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài tỉnh Quảng Ninh;

Căn cứ Nghị quyết số 159/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về nhiệm vụ trọng tâm 06 tháng cuối năm 2014;

Căn cứ Quyết định số 2239/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài tỉnh Quảng Ninh;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 214 /TTr-SNV ngày 24 tháng 9 năm 2014,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung quy định về chính sách khuyến khích đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức và thu hút nhân tài ban hành kèm theo Quyết định số 2239/2012/QĐ-UBND như sau:

1. Về nội dung tại khoản 2 và khoản 3 Điều 2 “Phạm vi áp dụng”

1.1. Sửa đổi Khoản 2: Chính sách thu hút áp dụng đối với những người có học hàm, học vị, những người có trình độ chuyên môn cao, những người được phong danh hiệu cao quý của nhà nước, đáp ứng yêu cầu vị trí tỉnh cần và quy định của pháp luật hiện hành được tiếp nhận, tuyển dụng về làm việc tại các cơ

quan Đảng, đoàn thể; cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập, ngoài công lập (thuộc lĩnh vực Giáo dục, Y tế, Khoa học - công nghệ của tỉnh).

1.2. Bãi bỏ Khoản 3: "Chính sách thường sinh viên có hộ khẩu thường trú tại Quảng Ninh đang học đại học hệ chính quy tại các trường đại học trong nước, các trường đại học ở nước ngoài, có kết quả học tập hàng năm hoặc cả khóa học đạt loại giỏi trở lên".

2. Về nội dung tại Điều 6 "Đối tượng thu hút"

2.1. Đối tượng thu hút

2.1.1. Thu hút về làm công chức cấp tỉnh, cấp huyện

- Người tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước;
- Người tốt nghiệp đại học, sau đại học loại giỏi, xuất sắc ở nước ngoài;

2.2.2. Thu hút về làm viên chức

- Giáo sư, Phó Giáo sư; Tiến sĩ; Bác sĩ Chuyên khoa cấp II, Dược sĩ chuyên khoa cấp II, còn ít nhất đủ 05 năm công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

- Thạc sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp I, Dược sĩ chuyên khoa cấp I không quá 45 tuổi đối với Nữ, không quá 50 tuổi đối với Nam.

- Bác sĩ nội trú, Bác sĩ hệ chính quy 6 năm, Dược sĩ đại học hệ chính quy 5 năm tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên, không quá 45 tuổi đối với Nữ, không quá 50 tuổi đối với Nam.

- Người đang hưởng lương chuyên gia cao cấp, ngạch chuyên viên cao cấp và có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, tốt nghiệp thạc sĩ, tiến sĩ ở trong nước và ngoài nước, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng và còn ít nhất đủ 05 năm công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học và được phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nghệ sĩ ưu tú; Nhà giáo nhân dân, Nhà giáo ưu tú; Thầy thuốc nhân dân, Thầy thuốc ưu tú còn ít nhất đủ 05 năm công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

- Huấn luyện viên cấp quốc gia trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học, còn ít nhất đủ 05 năm công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu.

- Vận động viên đạt thành tích cấp Quốc gia trở lên, có bằng tốt nghiệp đại học, không quá 30 tuổi.

- Sinh viên tốt nghiệp thủ khoa tại các cơ sở đào tạo trình độ đại học ở trong nước; tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc ở trong nước hoặc nước ngoài và có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng, trừ các trường hợp mà vị trí việc làm và chức danh nghề nghiệp cần tuyển dụng yêu cầu trình độ đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ.

2.2.3. Thu hút về làm công chức cấp xã

- Người tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên ở trong nước và đạt loại khá trở

lên ở nước ngoài có chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với chức danh công chức cần tuyển dụng.

2.2. Đối tượng được tính mời về làm tư vấn, chuyên gia

Những người được tính mời về làm Chuyên gia, hợp tác trong các lĩnh vực tỉnh cần.

3. Về nội dung tại Điều 7 “Lĩnh vực chuyên môn thu hút”

Hằng năm, căn cứ đề nghị của các cơ quan, đơn vị về những vị trí cần thu hút, đáp ứng được yêu cầu vị trí tỉnh cần và quy định của pháp luật hiện hành, Ủy ban nhân dân tỉnh cho ý kiến đối với việc tiếp nhận, tuyển dụng các đối tượng thu hút theo quy định.

4. Về nội dung tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 8 “Điều kiện thực hiện chính sách thu hút”

Sửa đổi khoản 1, khoản 2, khoản 3, Điều 8: Các đối tượng được thu hút về làm việc tại các cơ quan, đơn vị trong tỉnh:

- Đáp ứng các điều kiện theo quy định về tiếp nhận, tuyển dụng công chức, viên chức và yêu cầu công việc;

- Cam kết tình nguyện làm việc tại cơ quan, đơn vị được thu hút từ đủ 05 năm liên tục trở lên.

5. Về nội dung tại khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 9 “Chính sách trợ cấp trong đào tạo, bồi dưỡng”

5.1. Bãi bỏ tiết 1.1.5, điểm 1.1 về trợ cấp 01 lần sau khi nhận văn bằng, tiêu tiết 1.2.2.3, tiết 1.2.2, điểm 1.2, khoản 1 về đối tượng được đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong nước theo chương trình liên kết với nước ngoài.

5.2. Bãi bỏ điểm 2.3, khoản 2 về hỗ trợ đào tạo ngoại ngữ đối với đối tượng được cử đi học ở nước ngoài.

5.3. Bãi bỏ khoản 4 về trợ cấp 01 lần sau đào tạo.

6. Về nội dung tại Điều 10 “Chính sách khuyến khích tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ”

Bãi bỏ Điều 10: Chính sách khuyến khích tự học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ

7. Về nội dung tại khoản 1, khoản 2 Điều 11 “Chính sách thu hút”

7.1. Bãi bỏ khoản 1.

7.2. Sửa đổi khoản 2:

Bãi bỏ chính sách trợ cấp thường xuyên đối với các đối tượng được thu hút theo quy định tại Điều 6.

Thực hiện chế độ trợ cấp 01 lần đối với các đối tượng được thu hút theo mức trợ cấp cụ thể như sau (mỗi đối tượng chỉ được hưởng một mức thu hút cao

nhất nếu có nhiều chức danh, học hàm, học vị):

- Đối với Giáo sư, Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Bác sĩ chuyên khoa cấp II và Dược sĩ chuyên khoa cấp II: Được trợ cấp một lần bằng 100 lần mức lương cơ sở.

- Người phong danh hiệu Nghệ sĩ nhân dân, Nhà giáo nhân dân, Thầy thuốc nhân dân và có bằng tốt nghiệp đại học: Được trợ cấp một lần bằng 100 lần mức lương cơ sở.

- Người có bằng tốt nghiệp đại học và được phong Nghệ sĩ ưu tú, Nhà giáo ưu tú, Thầy thuốc ưu tú: Được trợ cấp 01 lần bằng 60 lần mức lương cơ sở

- Thạc sĩ; vận động viên đạt thành tích cấp Quốc gia trở lên có bằng tốt nghiệp đại học: Được trợ cấp một lần bằng 50 lần mức lương cơ sở.

- Người đang hưởng lương chuyên gia cao cấp, ngạch chuyên viên cao cấp và có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi, hoặc tốt nghiệp thạc sĩ hoặc tiến sĩ ở trong nước và nước ngoài, có chuyên ngành đào tạo phù hợp với vị trí việc làm cần tuyển dụng; huấn luyện viên cấp quốc gia trở lên có bằng tốt nghiệp đại học; thạc sĩ y khoa, bác sĩ chuyên khoa cấp I, dược sĩ chuyên khoa cấp I; bác sĩ nội trú có bằng tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên: Được trợ cấp 01 lần bằng 60 lần mức lương cơ sở.

- Bác sĩ hệ chính quy 6 năm, Dược sĩ đại học hệ chính quy 5 năm tốt nghiệp đại học loại giỏi trở lên; Người tốt nghiệp đại học loại giỏi, xuất sắc tại các trường đại học ở nước ngoài; Người tốt nghiệp thủ khoa các trường đại học ở trong nước: Được trợ cấp 01 lần bằng 50 lần mức lương cơ sở.

- Đối với các đối tượng được mời về tỉnh làm tư vấn, chuyên gia, hợp tác trong các lĩnh vực tỉnh cần: Mức kinh phí chi trả theo thỏa thuận trên cơ sở chất lượng, khối lượng và hiệu quả công việc.

Mức lương cơ sở tính tại thời điểm sau khi có quyết định tiếp nhận, tuyển dụng bổ nhiệm chính thức vào ngạch công chức, viên chức hoặc sau 01 năm làm việc tại các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập.

8. Về nội dung tại khoản 2 Điều 12 "Chính sách thưởng đối với người có tài năng"

Bãi bỏ khoản 2: Chính sách thưởng đối với sinh viên có thành tích cao trong học tập tại các trường đại học.

9. Về nội dung tại khoản 2 Điều 13 "Quyền lợi"

Sửa đổi điểm 2.1, khoản 2: Được hưởng trợ cấp 01 lần sau thu hút theo quy định tại Điều 11.

10. Về nội dung khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 15 "Thẩm quyền cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng và thực hiện chế độ trợ cấp, khen thưởng"

10.1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy (Khoản 1)

10.1.1. Sửa đổi điểm 1.1, khoản 1: Tổng hợp và trình Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt danh sách cử cán bộ, công chức khối Đảng, Đoàn thể đi đào tạo trình độ sau đại học; phê duyệt danh sách cử cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước chương trình chuyên viên cao cấp và đào tạo cao cấp lý luận chính trị trở lên.

10.1.2. Sửa đổi điểm 1.2, khoản 1: Quyết định cử cán bộ, công chức khối Đảng, Đoàn thể đi đào tạo, bồi dưỡng sau khi được Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt hoặc được ủy quyền.

10.1.3. Sửa đổi điểm 1.3, khoản 1: Báo cáo Thường trực Tỉnh ủy quyết định hoặc được Thường trực Tỉnh ủy ủy quyền quyết định việc tiếp nhận, tuyển dụng đối với các đối tượng được thu hút về làm việc tại các cơ quan Đảng, Đoàn thể.

10.2. Sở Nội vụ (Khoản 2)

10.2.1. Tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh:

10.2.1.1. Bãi bỏ tiết 2.1.1, điểm 2.1.

10.2.1.2. Sửa đổi tiết 2.1.2, điểm 2.1: Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý đi đào tạo, bồi dưỡng sau khi có Thông báo của Tỉnh ủy.

10.2.1.3. Sửa đổi tiết 2.1.3, điểm 2.1: Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức đi học tập, công tác ở nước ngoài sau khi có thông báo của Tỉnh ủy.

10.2.1.4. Sửa đổi tiết 2.1.5, điểm 2.1: Về việc tiếp nhận đối với các đối tượng được thu hút theo quy định tại Điều 6 sau khi thực hiện quy định tại tiêu tiết 10.2.2.3 của Điều này.

10.2.1.5. Sửa đổi tiết 2.1.6, điểm 2.1: Chi trả các khoản trợ cấp một lần đối với các đối tượng được thu hút và chính sách thưởng đối với người có tài năng theo quy định hiện hành.

10.2.2. Quyết định:

10.2.2.1. Sửa đổi tiết 2.2.1, điểm 2.2: Thẩm định, thông báo kết quả xét cử cán bộ, công chức khối chính quyền đi đào tạo trong nước trình độ sau đại học (trừ đối tượng diện Ban Thường vụ Tỉnh ủy quản lý).

10.2.2.2. Sửa đổi tiết 2.2.3, điểm 2.2: Thẩm định, thông báo kết quả xét cử cán bộ, công chức xã đi đào tạo trình độ đại học.

10.2.2.3. Sửa đổi tiết 2.2.4, điểm 2.2: Tiếp nhận, tuyển dụng, đối với các đối tượng được thu hút vào làm việc tại các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp, địa phương thuộc tỉnh.

10.2.3. Bãi bỏ điểm 2.3, khoản 2.

10.3. Các Sở, ban, ngành; đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh (Khoản 3)

Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo trình độ sau đại học, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc thiểu số sau khi có Quyết định hoặc Thông báo của cơ quan có thẩm quyền. Quyết định cử đi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh đang đảm nhiệm.

10.4. Ban Thường vụ huyện, thị, thành ủy; Ủy ban nhân dân cấp huyện (Khoản 4)

10.4.1. Sửa đổi điểm 3.1: Quyết định cử cán bộ, công chức xã đi đào tạo trình độ đại học sau khi có thông báo của Sở Nội vụ.

10.4.2. Sửa đổi điểm 3.2: Quyết định cử cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý đi đào tạo trình độ sau đại học, bồi dưỡng kiến thức quản lý nhà nước, ngoại ngữ, tin học, tiếng dân tộc thiểu số sau khi có Quyết định hoặc Thông báo của cơ quan có thẩm quyền. Quyết định cử đi tập huấn, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ phù hợp với vị trí việc làm, chức danh đang đảm nhiệm.

11. Về nội dung tại Điều 16 “Kinh phí thực hiện”

Kinh phí thực hiện chế độ hỗ trợ 01 lần đối với các đối tượng diện thu hút và thưởng đối với người có tài năng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của tỉnh.

Kinh phí thực hiện các khoản trợ cấp, chính sách hỗ trợ còn lại của Quy định này do các cơ quan, đơn vị có cán bộ, công chức, viên chức đi học trực tiếp chi trả trong nguồn kinh phí chi thường xuyên của các cơ quan, đơn vị, địa phương.

12. Về nội dung tại khoản 1, khoản 2, Điều 17 “Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương”

12.1. Sửa đổi khoản 1

12.1.1. Sửa đổi điểm 1.1:

Xây dựng kế hoạch, quy hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm và từng giai đoạn; đề xuất về số lượng, lĩnh vực, ngành chuyên môn cần đào tạo, tuyển dụng và tiếp nhận hàng năm; lập danh sách trợ cấp 01 lần sau thu hút gửi về cơ quan có thẩm quyền trước ngày 31/8 hằng năm; tập hợp hồ sơ các đối tượng diện thu hút gửi Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các đối tượng thu hút về làm việc tại các cơ quan Đảng, Đoàn thể), Sở Nội vụ (đối với đối tượng thu hút về làm việc tại các cơ quan khối chính quyền) để tập hợp, tổ chức phỏng vấn, sát hạch trước khi có quyết định tiếp nhận, tuyển dụng và phân công công tác.

12.1.2. Sửa đổi điểm 1.4:

Thu hồi và nộp ngân sách nhà nước chế độ trợ cấp trong đào tạo, trợ cấp thu hút của các đối tượng thuộc diện phải thu hồi sau khi có quyết định của các cơ quan có thẩm quyền; đồng thời, tổng hợp, báo cáo Sở Nội vụ, Sở Tài chính kết quả thực hiện.

12.2. Sửa đổi khoản 2

12.2.1. Bãi bỏ điểm 2.1.

12.2.2. Sửa đổi điểm 2.2: Hướng dẫn các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch và trình tự thực hiện chính sách trợ cấp thu hút hàng năm.

13. Về nội dung tại Điều 18

Nội dung sửa đổi, bãi bỏ một số nội dung của quy định ban hành kèm theo Quyết định số 2239/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh được áp dụng từ ngày 01/01/2014.

Điều 2. Các nội dung không sửa đổi, bãi bỏ tại Quyết định này thực hiện theo các nội dung quy định tại Quyết định số 2239/2012/QĐ-UBND ngày 04/9/2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Giao Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và các địa phương tổ chức, triển khai thực hiện.

Điều 4. Quyết định có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Nội vụ; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và cơ quan, đơn vị liên quan căn cứ Quyết định thi hành.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để báo cáo);
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để báo cáo);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- UBND TTQ và các đoàn thể Tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- Các Ban HĐND Tỉnh;
- Như điều 5 (thực hiện);
- V0, V4, GD, TM3, TH1;
- TT Thông tin, VP UBND Tỉnh;
- Lưu VT, GD.

Vy70b. QĐ

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Thị Thu Thủy